

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/6/2022  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Khiết.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Giáp Văn Phẩm.

2. Bà Vũ Thị Mai.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Hữu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lục Thị S, sinh năm: 1995. Đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Dũng Văn S, sinh năm: 1989. Vắng mặt.

Đều địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lục Thị S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh S kết hôn với nhau vào ngày 24/12/2012, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong chị về gia đình nhà anh S làm dâu ngay, anh chị chung sống tại Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc

Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận.

Đến khoảng tháng 5/2017, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh S có đánh chị nhưng không biết lý do. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 8/2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dũng Văn S.

Về con chung: Chị S và anh S có 02 con chung là Dũng Văn T, sinh ngày 23/11/2012 và Dũng Thị Kiều T, sinh ngày 24/10/2015. Hiện tại hai con đang ở với anh S. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng để anh S nuôi dưỡng cháu Dũng Thị Kiều T, sinh ngày 24/10/2015, để anh Dũng Văn S nuôi dưỡng cháu Dũng Văn T, sinh ngày 23/11/2012. Về cấp dưỡng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 26/01/2022, bà Trịnh Thị H là mẹ đẻ của anh Dũng Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S và Chị S được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong Chị S về gia đình nhà bà làm dâu ngay, anh chị sống tại Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận.

Đến khoảng năm 2016 Chị S có nói với bà là Chị S đi công ty, tuy nhiên sau đó gia đình không còn liên lạc với Chị S được nữa. Do vậy về vụ án ly hôn, con chung giữa chị Lục Thị S và anh Dũng Văn S bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh S và Chị S có 02 con chung là Dũng Văn T, sinh ngày 23/11/2012 và Dũng Thị Kiều T, sinh ngày 24/10/2015. Hiện tại hai con đang ở với anh S nhưng do gia đình nuôi dưỡng chăm sóc là chủ yếu vì anh S đi làm công ty không có nhà.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh S và Chị S không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2022 cháu Dũng Văn T, sinh ngày 23/11/2012 trình bày cháu có nguyện vọng được ở với bố là Dũng Văn S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2022 Dũng Thị Kiều T, sinh ngày 24/10/2015 trình bày cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Lục Thị S.

Tại biên bản xác minh ngày 26/01/2022 ông Tô Văn Toàn trưởng thôn Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang trình bày anh S thường xuyên đi làm công ty không có mặt tại địa phương, còn anh S đi đâu làm gì cụ thể địa phương không nắm được. Còn anh S và Chị S có mâu thuẫn gì không thì địa phương cho biết anh S và Chị S không ở được với nhau trong một thời gian dài, vợ chồng có cãi vã tuy nhiên vợ chồng không báo cáo chính quyền địa phương nên địa phương không nắm rõ cụ thể như thế nào.

Do vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn nên không ai trình bày quan điểm tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lục Thị S: Cho chị Lục Thị S được ly hôn với anh Dũng Văn S.

Về con chung: Giao con chung là Dũng Văn T, sinh ngày 23/11/2012 và Dũng Thị Kiều T, sinh ngày 24/10/2015 cho chị Lục Thị S nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung do mỗi người nuôi một cháu và Chị S cũng không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét vì đương sự không yêu cầu

Về án phí: Chị Lục Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lục Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn với anh Dũng Văn S. Hiện nay anh Dũng Văn S có hộ khẩu thường trú tại tổ Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Dũng Văn S không có mặt tại phiên tòa mặc dù đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Bên cạnh

đó, theo Công văn số 9963/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Dũng Văn S, sinh năm 1989 không có thông tin về việc cấp hộ chiếu, xuất nhập cảnh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị S và anh Dũng Văn S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/12/2012. Do vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị S và anh S: Theo trình bày của chị Lục Thị S vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, anh Dũng Văn S có đánh chị. Gia đình và địa phương cũng cho rằng vợ chồng chị có mâu thuẫn cãi vã và cũng không thường xuyên ở cùng nhau. Tại biên bản làm việc với mẹ đẻ anh S và bản tự khai của Chị S đều thể hiện Chị S đã sống ly thân với anh S từ cuối năm 2016 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa Chị S và anh S là có thật, việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lục Thị S, cho cho chị Lục Thị S ly hôn với anh Dũng Văn S là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Chị Lục Thị S và anh Dũng Văn S có 02 con chung là Dũng Văn T, sinh ngày 23/11/2012 và Dũng Thị Kiều T, sinh ngày 24/10/2015.

Hội đồng xét xử xét thấy Chị S có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Dũng Thị Kiều T, sinh ngày 24/10/2015, để anh Dũng Văn S nuôi dưỡng cháu Dũng Văn T, sinh ngày 23/11/2012. Hơn nữa cháu Thủy có nguyện vọng ở với bố, cháu Trang có nguyện vọng được ở với mẹ. Tuy nhiên, hiện nay anh S không có mặt tại địa phương nên cần giao cả hai con chung là Dũng Văn T, sinh ngày 23/11/2012 và Dũng Thị Kiều T, sinh ngày 24/10/2015 cho chị Lục Thị S nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S cũng không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Lục Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lục Thị S: Cho chị Lục Thị S được ly hôn với anh Dũng Văn S.

**2.** Về con chung: Giao con chung là Dũng Văn T, sinh ngày 23/11/2012 cho anh Dũng Văn S nuôi dưỡng; Giao con chung là Dũng Thị Kiều T, sinh ngày 24/10/2015 cho chị Lục Thị S nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét vì đương sự không yêu cầu

**3.** Về án phí: Chị Lục Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Lục Thị S đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: 0010573 ngày 18 tháng 01 năm 2022. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

**4.** Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm./.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Lê Văn Khiết**